

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2017
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lưu Hải Đăng**

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Ngô Văn Lành

2/. Bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông **Trần Đăng Khoa**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2017/TLST-HN ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà A có mặt tại phiên tòa, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng bà cưới nhau vào năm 1983, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào vào ngày 21/6/2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn: thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc. Thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày

càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do ông B không làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt, khi về nhà thì hay kiếm chuyện đánh đập bà và đập phá các đồ dùng trong gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là khoảng tháng 6/2015 ông B có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và bỏ nhà đi theo người phụ nữ đó sống đến nay. Trong thời gian ông B bỏ nhà đi thì cứ 01 – 02 tháng ông B mới về nhà một lần và kiếm chuyện với bà, đập phá các đồ dùng trong gia đình. Vợ chồng ông bà đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên bà A yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: vợ chồng có 05 con chung gồm: Nguyễn Kim Phượng, sinh năm 1983, Nguyễn Minh Vương, sinh năm 1985, Nguyễn Minh Phụng, sinh năm 1987, Nguyễn Mộng Nghi, sinh năm 1989 và Nguyễn Mộng Thúy, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành, đã lập gia đình và có đời sống ổn định, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân. Khi ly hôn bà A không yêu cầu Tòa án xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà A xác định vợ chồng ông bà có tài sản là căn nhà và đất tại ấp 3, thị trấn Gành Hào. Khi ly hôn vợ chồng ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ: bà A xác định vợ chồng ông bà không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà. Khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn B: Mặc dù ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông B theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bà A xác định bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B. Bà A xác định bà không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật, riêng đối với bị đơn là chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Giữa bà A và ông B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nên

đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà A được ly hôn với ông B là phù hợp.

Về con chung: hiện nay cả 05 người con của bà A và ông B đều đã trưởng thành và có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn ông bà không đặt ra yêu cầu về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ: bà A và ông B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: bà A có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông B. Ông B có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông Nguyễn Văn B vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn B.

Về nội dung vụ án: bà A và ông B kết hôn vào khoảng năm 1983, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, sau đó ông bà có đi đăng ký kết hôn vào ngày 21/6/2004 và được Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống bà A và ông B lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Ông bà cũng đã ly thân từ khoảng hơn 02 năm qua. Trong thời gian qua cả hai ông bà đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện ông bà muốn hàn gắn lại với nhau, ông bà không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa bà A vẫn cương quyết xin ly hôn với ông B, bà xác định ông B đã có người phụ nữ khác bên ngoài, hiện tại thì bà không còn tình cảm gì với ông B, bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông B. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của bà A và ông B là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của không

đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông B là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: bà A và ông B có 05 người con chung gồm: Nguyễn Kim Phượng, sinh năm 1983, Nguyễn Minh Vương, sinh năm 1985, Nguyễn Minh Phụng, sinh năm 1987, Nguyễn Mộng Nghi, sinh năm 1989 và Nguyễn Mộng Thúy, sinh năm 1994. Hiện tại do các con của bà A và ông B đều đã trưởng thành, khi ly hôn bà A và ông B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nghĩa vụ nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B tự thỏa thuận, ông bà không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A; Xử cho bà Lê Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2/. Về nuôi con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006399 ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Lê Thị A biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Ông Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Ủy ban nhân dân TT Gành Hào
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng